**NGÂN HÀNG CÂU HỎI LÀM ĐỀ THI**

**MÔN: Nhập môn Internet và E-Learning**

**Ngày lập: …/…/2018**

**Đợt bàn giao ngày: 18/04/2018**

**Thời gian làm bài: 60 phút**

**Số câu hỏi trong 1 đề thi: 40 câu**

**Giảng viên duyệt: ………………………………**

[**I. Ma trận mục tiêu**](#_30j0zll)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGÂN HÀNG CÂU HỎI** | | | | | |  | | **CƠ CẤU 1 ĐỀ THI** | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên bài** | **Số lượng** | | | |  | | STT | | **Tên bài** | | **Số lượng** | | | | | |
| **Tổng** | **Dễ** | **TB** | **Khó** | |  | |  | |  | | **Tổng** | **Dễ** | **TB** | | **Khó** |
| 1 | Bài 1 | 47 | 17 | 23 | 7 | |  | | 2 | | Bài 1 | | 15 | 7 | 7 | | 1 |
| 2 | Bài 2 | 51 | 22 | 21 | 8 | |  | | 4 | | Bài 2 | | 15 | 7 | 7 | | 1 |
| 3 | Bài 3 | 47 | 45 | 2 | 0 | |  | | 4 | | Bài 3 | | 10 | 8 | 2 | | 0 |
| **Tổng** | | 145 | 84 | 46 | 15 | |  | | **Tổng** | | | | **40** | **2****2** | **1****6** | **2** | |

# II. Bảng theo dõi cập nhật

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Version** | **Nội dung cập nhật** | **Ngày cập nhật** | **Người cập nhật** | **Người duyệt** |
| 1 | PSP491-ICT101.20171009 | Đồng bộ thành 1 file | 09/10/2017 | Huongtt2 | TS. Nguyễn Bình Minh |
|  | ELT100\_ICT101.20180420\_v2.0 | 03016: đáp án B: "tế" thành "kế" | 25/07/2018 | Phuongtt | SV báo lỗi |
|  | ELT100\_ICT101.20180420\_v2.0 | 03033: bỏ câu này vì trùng câu 03034 | 10/08/2018 | Phuongtt | GV ký duyệt |
|  | ELT100\_ICT101.20180420\_v2.0 | 02057, 02019, 03004: sửa đáp án đúng và phản hồi đáp án.  02041: sửa nội dung đáp án A | 14/08/2018 | Phuongtt | Trần Ngọc Thăng |

# III. Ngân hàng câu hỏi

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã câu** | **Nội dung câu hỏi** | **Độ khó của câu hỏi** | **Các phương án trả lời** | **Đáp án** | **Phản hồi cho các phương án** |
| Bài 1: Tổng quan về Internet | | | | | | |
|  | ICT101-01001.20171009 | So sánh nào sau đây là đúng? | Dễ | 1. Mạng LAN có bán kính lớn hơn mạng WAN. 2. Mạng LAN có bán kính lớn hơn mạng MAN. 3. Mạng WAN có bán kính lớn hơn mạng MAN. 4. Mạng MAN có bán kính lớn hơn mạng LAN và WAN. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Mạng WAN có bán kính lớn hơn mạng MAN.  **Vì:** mạng WAN là mạng diện rộng, MAN là mạng đô thị, mạng WAN có bán kính lớn hơn mạng MAN.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.1. Khái niệm về mạng máy tính và phân loại. |
|  | ICT101-01003.20171009 | Mạng nào có bán kính lớn nhất? | Dễ | 1. Mạng LAN. 2. Mạng LAN. 3. Mạng WAN. 4. Mạng Internet. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Mạng Internet.  **Vì:** Mạng Internet là mạng toàn cầu.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.1. Khái niệm về mạng máy tính và phân loại. |
|  | ICT101-01004.20171009 | Phân loại theo khoảng cách địa lý thì mạng máy tính có bao nhiêu loại? | Dễ | 1. 2 2. 2 3. 3 4. 5 | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** 4  **Vì:** Có 4 loại mạng là:   * LAN * MAN * WAN * Internet   **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.1. Khái niệm về mạng máy tính và phân loại. |
|  | ICT101-01004.20171009 | Khẳng định nào đúng? | Dễ | 1. Mạng Internet có bán kính nhỏ hơn mạng LAN. 2. Mạng Internet là mạng kết nối các máy tính với khoảng cách trong một thành phố. 3. Mạng Internet là mạng toàn cầu, kết nối các máy tính trong phạm vi toàn cầu. 4. Mạng Internet là mạng kết nối các máy tính trong phạm vi một quốc gia. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Mạng Internet là mạng toàn cầu, kết nối các máy tính trong phạm vi toàn cầu.  **Vì:** Theo khái niệm về mạng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.1. Khái niệm về mạng máy tính và phân loại. |
|  | ICT101-01006.20171009 | Tiền thân của mạng Internet là mạng ARPANET liên kết 4 địa điểm đầu tiên vào năm nào? | Dễ | 1. 1969. 2. 1970. 3. 1971. 4. 1972. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** 1969.  **Vì:** Mạng ARPANET là một dự án thuộc bộ quốc phòng mỹ và đã kết nối bốn điểm gồm: Viện nghiên cứu Stanford, Đại học California, Los Angeles, Đại học Utah và Đại học California, Santa Barbara vào năm 1969.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.2. Khái quát về Internet. |
|  | ICT101-01007.20171009 | Thuật ngữ mạng Internet xuất hiện lần đầu tiên vào năm nào? | Dễ | 1. 1973. 2. 1974. 3. 1975. 4. 1976. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** 1974.  **Vì:** Thuật ngữ mạng Internet xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1974.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.2. Khái quát về Internet. |
|  | ICT101-01008.20171009 | Giao thức TCP/IP chính thức trở thành giao thức của mạng ARPANET vào năm nào? | Dễ | 1. 1981. 2. 1982. 3. 1983. 4. 1984. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** 1983.  **Vì:** Giao thức TCP/IP trở thành giao thức chuẩn của mạng ARPANET vào năm 1983.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.2. Khái quát về Internet. |
|  | ICT101-01009.20171009 | Mạng ARPANET chính thức được chia thành hai nhánh, nhánh thứ nhất dành cho nghiên cứu phát triển và nhánh thứ hai cho quân sự vào năm nào? | Dễ | 1. 1981. 2. 1982. 3. 1983. 4. 1984. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** 1984.  **Vì:** Mạng ARPANET chính thức được chia thành hai nhánh, nhánh thứ nhất dành cho nghiên cứu phát triển và nhánh thứ hai cho quân sự vào năm 1984.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.2. Khái quát về Internet. |
|  | ICT101-01010.20171009 | Mạng ARPANET dừng hoạt động vào năm nào? | Dễ | 1. 1990. 2. 1991. 3. 1992. 4. 1993. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** 1990.  **Vì:** Mạng ARPANET không còn hiệu quả và đã dừng hoạt động vào năm 1990.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.2. Khái quát về Internet. |
|  | ICT101-01011.20171009 | Khẳng định nào đúng? | Dễ | 1. Kết nối Internet là phương thức xác định khoảng cách đường truyền trong mạng Internet. 2. Kết nối Internet là phương thức xác định khối lượng dữ liệu truyền thông trên mạng Internet. 3. Kết nối Internet là cách thức cấu hình cho phép máy tính sử dụng được các tài nguyên từ mạng Internet**.** 4. Kết nối Internet là cách thức xác định mô hình của mạng Internet. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Kết nối Internet là các thức cấu hình cho phép máy tính sử dụng được các tài nguyên từ mạng Internet.  **Vì:** Theo khái niệm về kết nối Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01014.20171009 | Đâu là ưu điểm của phương pháp kết nối Internet với Modem qua đường điện thoại? | Dễ | 1. Chi phí cao. 2. Tốc độ thấp. 3. Tốc độ cao. 4. Dễ kết nối, chi phi thấp. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Dễ kết nối, chi phi thấp.  **Vì:** Theo tính chất của phương thức kết nối mạng Internet với Modem qua đường điện thoại.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01015.20171009 | Đâu là ưu điểm của phương pháp kết nối Internet qua đường truyền ADSL? | Dễ | 1. Chi phí cao. 2. Tốc độ thấp. 3. Khó kết nối và chi phí thấp. 4. Dễ kết nối, tốc độ tương đối cao. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Dễ kết nối, tốc độ tương đối cao.  **Vì:** Theo tính chất của phương thức kết nối mạng Internet qua ADSL.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01016.20171009 | Tính chất bất đối xứng là tính chất của phương thức kết nối Internet nào? | Dễ | 1. Phương thức sử dụng kênh truyền Leased Line. 2. Phương thức sử dụng kênh truyền ADSL. 3. Phương thức kết nối quay số. 4. Phương thức sử dụng kênh truyền qua sóng wifi. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Phương thức sử dụng kênh truyền ADSL.  **Vì:** Theo tính chất của phương thức kết nối mạng Internet qua ADSL.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01017.20171009 | Phương thức kết nối mạng Internet nào không cần sử dụng cáp mạng? | Dễ | 1. Phương thức sử dụng kênh truyền Leased Line. 2. Phương thức sử dụng kênh truyền ADSL. 3. Phương thức sử dụng modem qua đường truyền điện thoại. 4. Phương thức sử dụng kênh truyền qua sóng wifi. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Phương thức sử dụng kênh truyền qua sóng wifi.  **Vì:** Theo tính chất của phương thức kết nối mạng Internet qua wifi.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01018.20171009 | Kết nối wifi dựa trên chuẩn kết nối nào? | Dễ | 1. 802.11 2. 801.12 3. 803.11 4. 804.11 | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** 802.11  **Vì:** 802.11 là chuẩn kết nối cho mạng wifi được đề xuất bởi IEEE.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01019.20171009 | Các thiết bị wifi thường hoạt động trên băng thông nào? | Dễ | 1. 54Mbps 2. 1000Mbps 3. 20Mbps 4. 30Mbps | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** 54Mbps  **Vì:** Các thiết bị wifi thường làm việc ở ba băng thông cơ bản là 11Mbps, 54Mbps và 300Mbps  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01020.20171009 | Khoảng cách của các thiết bị wifi là bao nhiêu? | Dễ | 1. 1 km. 2. 500 m. 3. 31 m. 4. 200 m. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** 31 m.  **Vì:** Theo tính chất của các thiết bị wifi.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01041.20171009 | Khẳng định nào đúng? | TB | 1. Giao thức mạng là tập các quy ước để điều khiển việc lưu trữ dữ liệu trên thiết bị lưu trữ. 2. Giao thức mạng là card mạng. 3. Giao thức mạng là thiết bị định tuyến. 4. Giao thức mạng là tập các quy ước để điều khiển việc trao đổi thông tin giữa các hệ thống máy tính. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Giao thức mạng là tập các quy ước để điều khiển việc trao đổi thông tin giữa các hệ thống máy tính.  **Vì:** Theo định nghĩa về giao thức mạng.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01042.20171009 | Mục đích chính của giao thức mạng là gì? | TB | 1. Điều khiển việc trao đổi thông tin giữa các hệ thống máy tính trên mạng. 2. Điều khiển việc lưu trữ dữ liệu trên mạng. 3. Bảo mật dữ liệu khi truyền trên mạng. 4. Mã hóa dữ liệu khi truyền trên mạng. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Điều khiển việc trao đổi thông tin giữa các hệ thống máy tính trên mạng.  **Vì:** Theo định nghĩa về giao thức mạng.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.3. Một số phương thức kết nối Internet. |
|  | ICT101-01043.20171009 | IP (Internet Protocol) là gì? | TB | 1. Phương pháp mã hóa dữ liệu khi truyền trên mạng. 2. Phương pháp bảo mật dữ liệu khi truyền trên mạng. 3. Kho dữ liệu chia sẻ trên mạng. 4. Giao thức truyền thông trên mạng. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Giao thức truyền thông trên mạng.  **Vì:** IP là một giao thức mạng được sử dụng phổ biến nhất hiện nay.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01044.20171009 | Có bao nhiêu phiên bản của địa chỉ IP? | TB | 1. 4. 2. 2. 3. 3. 4. 8. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** 2.  **Vì:** Có hai phiên bản của địa chỉ IP là Ipv4 và Ipv6.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01045.20171009 | Ipv4 được mã hóa bởi bao nhiêu bit? | TB | 1. 48. 2. 128. 3. 32. 4. 64. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** 32.  **Vì:** Địa chỉ Ipv4 được mã hóa bởi 32 bit, mỗi địa chỉ được cấu trúc bởi 4 cặp số thập phân và ngăn cách với nhau bởi dấu chấm.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01046.20171009 | Ipv6 được mã hóa bởi bao nhiêu bit? | TB | 1. 48. 2. 128. 3. 32. 4. 64. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** 128.  **Vì:** Địa chỉ Ipv6 được mã hóa bởi 128 bit.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01047.20171009 | Đâu là một địa chỉ Ipv4 đúng? | TB | 1. 192,168,192,1 2. 192->168->192->1 3. 192.168.192.1 4. 192;168;192;1 | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** 192.168.192.1  **Vì:** Địa chỉ Ipv4 được mã hóa bởi 32 bit, mỗi địa chỉ được cấu trúc bởi 4 cặp số thập phân và ngăn cách với nhau bởi dấu chấm.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01048.20171009 | Cấu trúc của địa chỉ Ipv4 gồm 4 cặp số thập phân và ngăn cách với nhau bởi ký hiệu nào? | TB | 1. Dấu phẩy (,). 2. Dấu chấm phẩy (;). 3. Dấu cách (khoảng trắng). 4. Dấu chấm (.). | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Dấu chấm (.).  **Vì:** Địa chỉ Ipv4 được mã hóa bởi 32 bit, mỗi địa chỉ được cấu trúc bởi 4 cặp số thập phân và ngăn cách với nhau bởi dấu chấm.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01049.20171009 | Cấu trúc của địa chỉ Ipv6 gồm một dãy số và ngăn cách với nhau bởi ký hiệu nào? | TB | 1. Dấu phẩy (,). 2. Dấu chấm phẩy (;). 3. Dấu hai chấm (:). 4. Dấu chấm (.). | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Dấu hai chấm (:).  **Vì:** Địa chỉ Ipv6 được mã hóa bởi 128 bit, có cấu trúc gồm một dãy số cách nhau bởi dấu hai chấm (:).  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01050.20171009 | Đâu là một địa chỉ Ipv6 đúng? | TB | 1. 2001.0db8:85a3.0000.0000.8a2e.0370.7334 2. 2001:0db8:85a3:0000:0000:8a2e:0370:7334 3. 2001;0db8;85a3;0000;0000;8a2e;0370;7334 4. 2001->0db8->85a3->0000->0000->8a2e->0370->7334 | B | **Đúng. Đáp án đúng là:**  2001:0db8:85a3:0000:0000:8a2e:0370:7334  **Vì:** Địa chỉ Ipv6 được mã hóa bởi 128 bit, có cấu trúc gồm một dãy số cách nhau bởi dấu hai chấm (:).  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01051.20171009 | Chọn đáp án đúng nhất. Không gian địa chỉ Ipv4 là bao nhiêu? | TB | 1. Khoảng 4,3 tỷ. 2. Khoảng 10 tỷ. 3. Khoảng 1 tỷ. 4. Khoảng 3 tỷ. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Khoảng 4,3 tỷ.  **Vì:** Địa chỉ Ipv4 được mã hóa bởi 32 bit, do vậy không gian địa chỉ là 232  4,3 tỷ.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01052.20171009 | Khẳng định nào đúng về tên miền? | TB | 1. Tên miền bao gồm nhiều thành phần và được ngăn cách bởi dấu phẩy (,). 2. Tên miền bao gồm nhiều thành phần và được ngăn cách bởi dấu chấm (.). 3. Tên miền bao gồm nhiều thành phần và được ngăn cách bởi dấu chấm phẩy (;). 4. Tên miền bao gồm nhiều thành phần và được ngăn cách bởi dấu cách (khoảng trắng). | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Tên miền bao gồm nhiều thành phần và được ngăn cách bởi dấu chấm (.).  **Vì:** Theo định nghĩa tên miền.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01053.20171009 | Ký tự nào được sử dụng để ngăn cách các thành phần trong tên miền Internet? | TB | 1. Ký tự tab. 2. Ký tự chấm phẩy. 3. Ký tự phẩy. 4. Ký tự chấm. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Ký tự chấm.  **Vì:** Theo định nghĩa tên miền.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01054.20171009 | DNS là hệ thống phân giải trên Internet được phát minh vào năm nào? | TB | 1. 1982. 2. 1983. 3. 1984. 4. 1985. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** 1984  **Vì:** DNS là hệ thống phân giải tên miền trên Internet và được phát minh vào năm 1984 cho phép thiết lập mối quan hệ tương đương giữa tên miền và địa chỉ IP.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Địa chỉ IP và tên miền. |
|  | ICT101-01055.20171009 | ISP (Internet Service Provider) là gì? | TB | 1. Hệ thống cung cấp dịch vụ mạng. 2. Hệ thống phân giải tên miền Internet. 3. Hệ thống cung cấp địa chỉ IP trên mạng Internet. 4. Nhà cung cấp dịch vụ Internet. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Nhà cung cấp dịch vụ Internet.  **Vì:** ISP là viết tắt của cụm từ tiếng anh (Internet Service Provider). Đây chính là các nhà cung cấp dịch vụ Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.4. Một số nhà cung cấp dịch vụ Internet. |
|  | ICT101-01056.20171009 | Trang web được đặt ở đâu? | TB | 1. Trên trình duyệt. 2. Trên máy khách (máy của người dùng). 3. Cả trên máy khách và trên trình duyệt. 4. Trên máy chủ (Server). | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Trên máy chủ (Server).  **Vì:** Ứng dụng web làm việc trên mô hình Client/Server, các trang web được đặt trên máy chủ (Server) và người sử dụng truy cập tới các trang web qua trình duyệt.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01057.20171009 | Khẳng định nào đúng? | TB | 1. Website là tập hợp nhiều trang web được lưu trên máy khách. 2. Website là tập hợp nhiều trang web được lưu trên trình duyệt. 3. Website chỉ bao gồm một trang web duy nhất và lưu trên máy khách. 4. Website gồm một tập hợp trang web. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Website gồm một tập hợp trang web.  **Vì:** Theo khái niệm về website.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01058.20171009 | HTML là gì? | TB | 1. Là một trang web. 2. Là một website. 3. Là hệ thống máy chủ. 4. Là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản.  **Vì:** HTML (Hyper Text Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, sử dụng để trình bày các nội dung trong trang web.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01059.20171009 | HTML là ngôn ngữ được sử dụng để làm gì? | TB | 1. Soạn thảo văn bản. 2. Trình bày nội dung trong trang web. 3. Tạo ra các bảng tính, phục vụ các ứng dụng tính toán. 4. Lập trình giải các bài toán trên máy tính. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Trình bày nội dung trong trang web.  **Vì:** HTML (Hyper Text Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, sử dụng để trình bày các nội dung trong trang web.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01060.20171009 | Dịch vụ nào sử dụng để gửi thư điện tử? | TB | 1. FTP. 2. Chat. 3. Web. 4. E-mail. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** E-mail.  **Vì:** E-mail là dịch vụ thư tín điện tử, hỗ trợ người dùng gửi thư qua mạng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01061.20171009 | Dịch vụ nào được sử dụng để truyền tải tệp tin qua mạng Internet? | TB | 1. FTP. 2. Chat. 3. Web. 4. E-mail. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** FTP.  **Vì:** FTP là dịch vụ truyền tải tệp tin qua mạng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01062.20171009 | Để trò chuyện trực tuyến, người sử dụng sẽ dùng dịch vụ nào? | TB | 1. FTP. 2. Chat. 3. Web. 4. E-mail. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Chat.  **Vì:** Chat là dịch vụ trò chuyện trực tuyến qua mạng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01063.20171009 | Để lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến, sử dụng dịch vụ nào? | TB | 1. Hosting. 2. Chat. 3. Web. 4. FTP. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Hosting.  **Vì:** Hosting là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến qua mạng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01081.20171009 | Nam đã thiết kế xong một website, để đưa website lên hoạt động trên mạng Internet, Nam phải thuê dịch vụ nào? | Khó | 1. Chat. 2. Email. 3. Telnet. 4. Hosting. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Hosting.  **Vì:** Hosting là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến qua mạng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01082.20171009 | Dịch vụ cho phép người sử dụng thuê các tài nguyên phần cứng, phần mềm qua mạng Internet và dễ dàng tăng/giảm tài nguyên mà không cần sự hỗ trợ của nhà cung cấp là dịch vụ nào? | Khó | 1. Cloud. 2. Email. 3. Telnet. 4. Hosting. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Cloud.  **Vì:** Cloud là dịch vụ điện toán đám mây, cho phép người dùng dễ dàng tăng/giảm tài nguyên mà không cần hỗ trợ của nhà cung cấp.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01083.20171009 | Người dùng tự cấu hình dịch vụ theo yêu cầu là tính chất của loại dịch vụ nào? | Khó | 1. Web 2. Cloud 3. Telnet 4. Hosting | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Cloud.  **Vì:** Cloud là dịch vụ điện toán đám mây, cho phép người dùng dễ dàng tăng/giảm tài nguyên mà không cần hỗ trợ của nhà cung cấp và cho phép người dùng tự cấu hình dịch vụ theo yêu cầu.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01084.20171009 | Người dùng chỉ phải chi trả phí dịch vụ theo tài nguyên thực dùng là tính chất của loại dịch vụ nào? | Khó | 1. Web. 2. Cloud. 3. Telnet. 4. Hosting. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Cloud.  **Vì:** Cloud là dịch vụ điện toán đám mây, cho phép người dùng dễ dàng tăng/giảm tài nguyên mà không cần hỗ trợ của nhà cung cấp và cho phép người dùng tự cấu hình dịch vụ theo yêu cầu.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01085.20171009 | Nam đã xây dựng xong một website và đã thuê dịch vụ Hosting, để đưa các dữ liệu trang web lên máy chủ, Nam sử dụng dịch vụ nào? | Khó | 1. Chat. 2. E-mail. 3. Telnet. 4. FTP. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** FTP.  **Vì:** FTP là dịch vụ tải tệp tin qua mạng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01086.20171009 | Khẳng định nào về dịch vụ E-mail là đúng? | Khó | 1. Một người không thể gửi thư cho nhiều người. 2. Một người chỉ gửi được thư cho một người duy nhất. 3. Một người có thể gửi thư cho nhiều người cùng một lúc. 4. Không thể gửi tệp tin kèm theo thư điện tử. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Một người có thể gửi thư cho nhiều người cùng một lúc.  **Vì:** Theo tính chất của dịch vụ E-mail.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
|  | ICT101-01087.20171009 | Khẳng định nào đúng về dịch vụ FTP? | Khó | 1. FTP cho phép truyền tải duy nhất một tệp tin tại một thời điểm. 2. FTP Server sẽ quản lý các kết nối và cung cấp dịch vụ tập tin cho các máy trạm. 3. FTP là dịch vụ gửi thư điện tử qua mạng Internet. 4. FTP Client sẽ quản lý các kết nối và cung cấp dịch vụ tập tin cho các máy trạm. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** FTP Server sẽ quản lý các kết nối và cung cấp dịch vụ tập tin cho các máy trạm.  **Vì:** Theo tính chất của dịch vụ FTP.  **Tham khảo:** Bài giảng số 1, mục 1.7. Một số dịch vụ Internet thông dụng. |
| Bài 2: Giáo dục điện tử (E-Learning) | | | | | | |
|  | ICT101-02001.20171009 | Một lớp học truyền thống hoàn toàn có đặc điểm gì nổi bật nhất? | Dễ | 1. Face2Face. 2. Face2teacher. 3. Teacher2student. 4. Face2student. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Face2Face.  **Vì:** Lớp học truyền thống có đặc điểm là thầy giáo lên lớp hàng ngày để dạy học sinh.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02002.20171009 | Lớp học “no E-learning” được xếp vào loại hình lớp học? | Dễ | 1. Lớp học hiện đại. 2. Lớp học truyền thống. 3. Lớp học cổ điển. 4. Lớp học có kết hợp với E-Learning. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Lớp học truyền thống.  **Vì:** Theo phân loại của hội đồng nghiên cứu E-Learning (Mỹ), đây là kiểu loại lớp học truyền thống.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02003.20171009 | Lớp học “full E-Learning” có nghĩa là gì? | Dễ | 1. Lớp học hoàn toàn E-Learning, không có gặp mặt trực tiếp. 2. Lớp học E-Learning có kết hợp truyền thống. 3. Lớp học cổ điển. 4. Lớp học trên Internet. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Lớp học hoàn toàn E-Learning, không có gặp mặt trực tiếp.  **Vì:** Theo định nghĩa về lớp học full-E-Learning là lớp học toàn toàn học trên E-Learning, không có gặp mặt trực tiếp.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02004.20171009 | Thời kỳ nhiều doanh nghiệp triển khai mô hình đào tạo trực tuyến cho nhân viên bắt đầu từ khi nào? | Dễ | 1. Những năm 90, thế kỷ XX. 2. Những năm 2000. 3. Bắt đầu từ năm 1995. 4. Bắt đầu từ năm 2010. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Những năm 2000.  **Vì:** Theo lịch sử phát triển của mô hình đào tạo E-Learning, những năm 2000, nhiều doanh nghiệp tiếp cận mô hình đào tạo trực tuyến cho nhân viên của mình.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02005.20171009 | Thuật ngữ “E-Learning” chính thức bắt đầu từ năm nào? | Dễ | 1. Năm 1999. 2. Năm 1980. 3. Năm 1995. 4. Năm 1998. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Năm 1999.  **Vì:** Thuật ngữ E-Learning được xuất phát đầu tiên vào tháng 10/1999 trong một Hội nghị quốc tế về CBT (Computer – Based Training).  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02006.20171009 | Máy dạy học “teaching machine” được ra đời năm bao nhiêu? | Dễ | 1. Năm 1954. 2. Năm 1964. 3. Năm 1960. 4. Năm 1957. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Năm 1954.  **Vì:** Máy dạy học được ra đời năm 1954 do BF Skinner, một Giáo sư Harvard phát minh.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02007.20171009 | Nội dung của lớp học chiếm tới 25% truyền tải qua Internet được coi là loại hình lớp học nào? | Dễ | 1. Sử dụng công nghệ Internet. 2. Lớp học E-Learning. 3. Lớp học online. 4. Lớp học truyền thống. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Sử dụng công nghệ Internet.  **Vì:** Theo phân loại của hội đồng nghiên cứu E-Learning Hoa Kỳ, nội dung truyền tải qua Internet từ 1-29% được coi là lớp học sử dụng công nghệ Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02008.20171009 | Doanh nghiệp thường dùng E-Learning trong đào tạo đối tượng nào? | Dễ | 1. Nhân viên. 2. Sinh viên. 3. Khách hàng. 4. Các doanh nghiệp đang nợ. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Nhân viên.  **Vì:** Doanh nghiệp sử dụng E-Learning tập huấn cho nhân viên của mình sẽ giảm được chi phí, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của nhân viên. Đặc biệt là những doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, việc tập trung nhân viên về học tập sẽ ảnh hưởng tới công việc và thời gian làm việc, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả và năng suất của doanh nghiệp.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02009.20171009 | Dịch vụ E-Learning được cung cấp dựa trên nền tảng nào? Chọn câu trả lời đúng. | Dễ | 1. Nền tảng Internet. 2. Nền tảng giáo dục. 3. Nền tảng giáo dục và đào tạo. 4. Nền tảng từ xa. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Nền tảng Internet.  **Vì:** E-Learning cùng một số dịch vụ khác như dịch vụ thư điện tử, dịch vụ giải trí,...được cung cấp trên nền tảng Internet.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02010.20171009 | Chính phủ điện tử thuộc nhóm dịch vụ nào trong số nhóm các dịch vụ sau đây? | Dễ | 1. Dịch vụ cơ sở. 2. Dịch vụ tổng hợp. 3. Dịch vụ hỗn hợp. 4. Dịch vụ giải trí. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Dịch vụ tổng hợp.  **Vì:** Chính phủ điện tử, E-Learning cùng một số dịch vụ khác thuộc nhóm dịch vụ tổng hợp.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02011.20171009 | Diễn đàn (forum) thuộc nhóm dịch vụ nào trong số nhóm các dịch vụ sau đây? | Dễ | 1. Dịch vụ cơ sở. 2. Dịch vụ tổng hợp. 3. Dịch vụ hỗn hợp. 4. Dịch vụ giải trí. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Dịch vụ cơ sở.  **Vì:** Diễn đàn (forum) cùng một số dịch vụ khác thuộc nhóm dịch vụ cơ sở.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02012.20171009 | Ngân hàng điện tử (E-banking) thuộc nhóm dịch vụ nào trong số nhóm các dịch vụ sau đây? | Dễ | 1. Dịch vụ cơ sở. 2. Dịch vụ tổng hợp. 3. Dịch vụ hỗn hợp. 4. Dịch vụ giải trí. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Dịch vụ tổng hợp.  **Vì:** Chính phủ điện tử, ngân hàng điện tử, E-Learning cùng một số dịch vụ khác thuộc nhóm dịch vụ tổng hợp.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02013.20171009 | Điểm nào dưới đây **KHÔNG** phải là ưu điểm của E-Learning? | Dễ | 1. Giảm chi phí. 2. Linh hoạt hơn trong quá trình học tập. 3. Người học dễ dàng vượt qua các bài kiểm tra, đánh giá. 4. Không giới hạn về không gian và thời gian. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Người học dễ dàng vượt qua các bài kiểm tra, đánh giá.  **Vì:** E-Learning cung cấp đầy đủ các phương thức đánh giá học tập như thi cử, làm bài kiểm tra. Do vậy học tập dễ dàng không phải là ưu điểm của E-Learning.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.2. Các đặc điểm của E-Learning. |
|  | ICT101-02014.20171009 | Nội dung học tập của E-Learning là: | Dễ | 1. tài nguyên học tập cũ, ít cập nhật. 2. nội dung học tập dễ dàng. 3. được cập nhật thường xuyên, nhanh chóng. 4. nội dung học tập đánh giá sinh viên chặt chẽ đúng theo tiêu chuẩn. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** được cập nhật thường xuyên, nhanh chóng.  **Vì:** Nội dung học tập của E-Learning thường xuyên được thay đổi cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.2. Các đặc điểm của E-Learning. |
|  | ICT101-02015.20171009 | Để tổ chức các khóa học trực tuyến, tuyển sinh và cấp bằng, cá nhân và tổ chức cần phải: | Dễ | 1. tự do mở các khóa đào tạo trực tuyến. 2. thành lập lớp học truyền thống. 3. được cấp phép đào tạo trực tuyến. 4. xin ý kiến của cấp trên. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** được cấp phép đào tạo trực tuyến.  **Vì:** Muốn tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến, cần phải được phép đào tạo trực tuyến mới có thể tiến hành tuyển sinh và cấp bằng.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02016.20171009 | Tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong lớp học E-Learning là: | Dễ | 1. gặp gỡ trực tiếp. 2. gặp gỡ trực tuyến trên các mạng xã hội và email. 3. tương tác qua các phương tiện giao tiếp điện tử: mạng xã hội, email, diễn đàn, trên hệ thống học tập,... 4. gặp gỡ qua các phương tiện giao tiếp điện tử: mạng xã hội, email, diễn đàn, trên hệ thống học tập. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** tương tác qua các phương tiện giao tiếp điện tử: mạng xã hội, email, diễn đàn, trên hệ thống học tập...  **Vì:** Giảng viên và sinh viên sẽ tương tác qua các phương tiện giao tiếp điện tử.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02017.20171009 | Cách truyền tải nội dung học tập trên các lớp học E-Learning là: | Dễ | 1. bảng, phấn, máy chiếu và Internet. 2. nội dung truyền tải qua Internet, máy tính, đầu VCD, TV. 3. tài liệu đa phương tiện, Video, Audio, ppt, ebook,... 4. trên máy tính cá nhân PC. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** tài liệu đa phương tiện, Video, Audio, ppt, ebook,...  **Vì:** Nội dung học tập E-Learning phải là các file tài liệu đa phương tiện.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02018.20171009 | Công cụ sử dụng trong lớp học E-Learning **KHÔNG** phải là: | Dễ | 1. máy tính bảng, máy tính có kết nối mạng. 2. điện thoại smartphone có kết nối mạng. 3. bảng, phấn, máy chiếu. 4. sách giáo trình ebook. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** bảng, phấn, máy chiếu.  **Vì:** Lớp học E-Learning cần các phương tiện có kết nối mạng để học tập.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02019.20171009 | Các hoạt động trên lớp học E-Learning bao gồm mấy hoạt động? | Dễ | 1. 2 2. 3 3. 4 4. 5 | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** 4  **Vì:** Có 4 hoạt động trên lớp học E-Learning:   * Tiếp thu bài giảng. * Trao đổi kiến thức. * Luyện tập và thực hành. * Thi hết môn học.   **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02020.20171009 | Diễn đàn được coi là công cụ: | Dễ | 1. chat trực tiếp trên hệ thống 2. dùng để nhắc nhở sinh viên học tập trên lớp học trực tuyến. 3. dùng để thảo luận trên lớp học trực tuyến. 4. dùng để thảo luận trên lớp học truyền thống. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** dùng để thảo luận trên lớp học trực tuyến.  **Vì:** Diễn đàn là một trong những công cụ thảo luận trên hệ thống học tập E-Learning.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02021.20171009 | Một số công cụ chat trực tiếp trên mạng bao gồm: | Dễ | 1. zalo, skype, forum. 2. skype, viber, imo, forum. 3. zalo, skype, viber, mesenger, wechat, QQ. 4. email, viber, zalo, skype, QQ, wechat,.... | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** zalo, skype, viber, mesenger, wechat, QQ.  **Vì:** Một số công cụ chat phổ biến zalo, skype, viber, mesenger, wechat, QQ.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02022.20171009 | Gmail được phát triển bởi công ty nào? | Dễ | 1. Microsoft. 2. Yahoo. 3. Google. 4. Sun. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Google.  **Vì:** Gmail là một trong những sản phẩm do Google phát triển.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02041.20171009 | SCORM viết tắt bởi từ gì? | TB | 1. Sharable Content object reference manager.. 2. Share Content online remoting manager. 3. Sharable Content Object Reference Model. 4. Sharing Content Object Reference Model. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Sharable Content Object Reference Model  **Vì:** SCORM là viết tắt bởi Sharable Content Object Reference Model.  SCRORM là một tập hợp các tiêu chẩn kỹ thuật cho các sản phẩm phần mềm E-learning. SCORM sẽ cho các lập trình viên biết cách viết code như thế nào để nó có thể phối hợp “ăn ý” với các phần mềm E-learning khác. Nó là tiêu chẩn cần phải có về khả năng tương tác của các phần mềm E-learning. Cụ thể, SCORM sẽ điều phối cách mà các nội dung trực tuyến và hệ thống LMS giao tiếp với nhau. SCORM không nói cho bạn biết về những hướng dẫn thiết kế hay những tiêu chuẩn sư phạm – nó chỉ thuần là những tiêu chuẩn kỹ thuật.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02042.20171009 | CBT trong E-Learning là viết tắt của: | TB | 1. Computer Basic Training. 2. Computer Base Teaching. 3. Computer Based on Train. 4. Computer Based Training. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Computer Based Training.  **Vì:** CBT là viết tắt của Computer Based Training nghĩa là đào tạo dựa trên máy tính.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02043.20171009 | Chọn câu trả lời đúng nhất về E-Learning trong các câu sau đây? | TB | 1. Tất cả các môn học đều có thể học theo hình thức E-Learning. 2. Các chương trình đào tạo trực tuyến theo hình thức E-Learning giúp xóa bỏ về khoảng cách và thời gian khi người học tham gia học tập tại trường. 3. Đào tạo E-Learning thường xuất phát từ nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp 4. Đào tạo E-Learning là phương thức đào tạo trực tuyến, giúp người học có thể tự bố trí thời gian học tập dễ dàng hơn. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Đào tạo E-Learning là phương thức đào tạo trực tuyến, giúp người học có thể tự bố trí thời gian học tập dễ dàng hơn.  **Vì:** Theo định nghĩa E-Learning giúp người học có thể học tập tại bất cứ nơi đâu, bất cứ thời điểm nào. Do đó, người học có thể tự bố trí thời gian học tập phù hợp với điều kiện của mình nhất.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.1. Định nghĩa E-Learning. |
|  | ICT101-02044.20171009 | LMS viết tắt của từ gì? | TB | 1. Learning Management System. 2. Learning Machine System. 3. Learning Method System. 4. Learning Method Social. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Learning Management System.  **Vì:** LMS là viết tắt của từ Learning Management System có nghĩa hệ thống quản lý học tập.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02045.20171009 | Chủ thể nào cung cấp LMS? | TB | 1. Công ty. 2. Nhà quản lý. 3. Cá nhân và tổ chức. 4. Trung tâm. | C | **Đúng. Đáp án đúng:** Cá nhân và tổ chức  **Vì:** Cá nhân có thể là các giảng viên đưa nội dung bài giảng lên hệ thống hoặc tổ chức như: trường học, trung tâm, doanh nghiệp...  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02046.20171009 | Lợi ích của doanh nghiệp khi sử dụng E-Learning trong đào tạo nhân viên là gì? | TB | 1. Giảm thời gian làm việc 2. Trả lương linh hoạt 3. Giảm chi phí đào tạo 4. Cơ hội nâng cao trình độ của nhân viên | C | **Đúng. Đáp án đúng:** Giảm chi phí đào tạo.  **Vì:** E-Learning giúp doanh nghiệp giảm chi phí khi đào tạo nhân viên trực tiếp.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.2. Các đặc điểm của E-Learning. |
|  | ICT101-02047.20171009 | Để học thực hành trên hệ thống E-Learning, người học có thể: | TB | 1. tự học trên mạng. 2. xem đĩa DVD. 3. thông qua phòng lab ảo, hoặc video mô phỏng. 4. đăng ký học tại trung tâm nào đó | C | **Đúng. Đáp án đúng:** thông qua phòng lab ảo hoặc video mô phỏng  **Vì:** E-Learning cung cấp khả năng thực hành từ xa thông qua phòng lab ảo hoặc các video mô phỏng.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.2. Các đặc điểm của E-Learning. |
|  | ICT101-02048.20171009 | Một trong những lợi ích của E-Learning đối với doanh nghiệp là gì? | TB | 1. Tăng giờ làm việc của nhân viên khi không phải tham gia học tập. 2. Tiết kiệm tiền của nhân viên khi không phải đến lớp học tập. 3. Người lao động dễ thất nghiệp khi áp dụng E-Learning. 4. Giảm thời gian nghỉ việc. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Giảm thời gian nghỉ việc.  **Vì:** Thời gian nghỉ việc là cản trở chính cho việc sản xuất của doanh nghiệp. [E-Learning](http://www.facework.vn/Blog/E-learning-la-gi-15.html) có thể giúp giải quyết việc này bằng giảm thời gian đi lại đến địa điểm đào tạo và có thể chia việc đào tạo ra thành các phần nhỏ để nhân viên có thể vào học ở các thời gian rỗi của họ.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.2. Các đặc điểm của E-Learning. |
|  | ICT101-02049.20171009 | Bài giảng trong lớp học E-Learning thường là những tài liệu định dạng nào? | TB | 1. có đuôi .com, .exe, .word 2. có đuôi .pdf, .doc, .ppt,.jpeg 3. có đuôi .pdf, .doc, .ppt,.. 4. định dạng nào cũng có. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** có đuôi .pdf, .doc, .ppt, .jpeg.  **Vì:** Đây là các định dạng tài liệu E-Learning trên hệ thống.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02051.20171009 | Thực hành qua phần mềm mô phỏng giúp gì cho sinh viên học trên mạng: | TB | 1. giúp sinh viên đỡ phải đi lại thực hành trên trung tâm. 2. giúp sinh viên hiểu biết hơn bài học và có thêm kinh nghiệm thực tế. 3. trực quan hơn và dễ hiểu hơn trong quá trình học tập thay vì chỉ có lý thuyết. 4. dễ hiểu trong quá trình học tập trên lớp. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** trực quan hơn và dễ hiểu hơn trong quá trình học tập thay vì chỉ có lý thuyết.  **Vì:** Phần mềm mô phỏng giúp sinh viên cảm thấy trực quan hơn trong quá trình học tập trên mạng.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02052.20171009 | Phương pháp giáo dục truyền thống tiếp cận theo hướng nào? | TB | 1. Phương pháp gặp mặt trực tiếp. 2. Lấy người học làm trung tâm. 3. Lấy người dạy làm trung tâm. 4. Phương pháp gặp mặt trực tuyến. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Lấy người dạy làm trung tâm.  **Vì:** Phương pháp giáo dục truyền thống đề cao vai trò của người thầy trong quá trình truyền tải kiến thức tới sinh viên.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm.. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02053.20171009 | Trong cách tiếp cận lấy người dạy làm trung tâm, người học sẽ: | TB | 1. tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. 2. tự đọc sách và lên lớp lúc nào tùy thích 3. tập trung chăm chú nghe giảng, ít sự tương tác. 4. hợp tác với các bạn trong quá trình học tập. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** tập trung chăm chú nghe giảng, ít sự tương tác.  **Vì:** Phương pháp giáo dục truyền thống đề cao vai trò của người thầy trong quá trình truyền tải kiến thức tới sinh viên, sự chủ động không được khuyến khích.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02054.20171009 | Một trong những đặc điểm của E-Learning giúp cho E-Learning có thể là mô hình tích cực trong cách tiêp cận lấy người học làm trung tâm? | TB | 1. Luôn luôn tương tác trực tiếp. 2. Thầy giảng, trò ghi chép. 3. Trao đổi tích cực trên Internet. 4. Gặp mặt thường xuyên. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Trao đổi tích cực trên Internet.  **Vì:** Học tập trên E-Learning, các thành viên có thể tương tác trên Internet thông qua diễn đàn, chat.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02055.20171009 | E-Learning **KHÔNG** bao gồm đặc điểm gì dưới đây? | TB | 1. Lấy người học làm trung tâm. 2. Không gặp mặt trực tiếp. 3. Không được đánh giá bởi giáo viên. 4. Được đánh giá bởi giáo viên. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Không được đánh giá bởi giáo viên.  **Vì:** Trong giảng dạy E-Learning, các bài kiểm tra thường xuyên, các bài thi được đánh giá bởi giáo viên  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02056.20171009 | Wikipedia hỗ trợ giúp người học E-Learning: | TB | 1. bổ sung kiến thức thực tế 2. bổ sung kinh nghiệm học tập. 3. bổ sung tri thức trong quá trình học tập. 4. tra cứu tài liệu. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** bổ sung tri thức trong quá trình học tập.  **Vì:** Wikipedia giúp bổ sung tri thức trong quá trình học tập.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02057.20171009 | Thuật ngữ Học liệu mở được Viện Công nghệ Massachusetts - MIT đưa ra vào năm nào? | TB | 1. 2000 2. 2001 3. 2002 4. 2003 | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** 2000  **Vì:** Thuật ngữ Học liệu mở được Viện Công nghệ Massachusetts - MIT đưa ra vào năm 2000  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02058.20171009 | Thuật ngữ Học liệu mở lần đầu tiên được đưa ra bởi tổ chức nào? | TB | 1. Havard. 2. Cambrige. 3. MIT. 4. Oxford. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** MIT.  **Vì:** Thuật ngữ Học liệu mở lần đầu tiên được đưa ra bởi Viện công nghệ Massachusetts – MIT.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02059.20171009 | Học liệu mở cho phép: | TB | 1. sinh viên tải tài liệu miễn phí. 2. sinh viên học miễn phí. 3. truy cập miễn phí qua Internet. 4. truy cập tự do nhưng phải trả phí. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** truy cập miễn phí qua Internet.  **Vì:** Học liệu mở cho phép mọi người truy cập miễn phí qua Internet.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02060.20171009 | Tài nguyên giáo dục mở thường bao gồm: | TB | 1. giáo trình, học liệu. 2. giáo trình, bài giảng. 3. công cụ lập trình mã nguồn mở, các giấy phép xuất bản, giấy phép bản quyền. 4. các khóa học đầy đủ, nội dung LMS và các giấy phép bản quyền. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** các khóa học đầy đủ, nội dung LMS và các giấy phép bản quyền.  **Vì:** Tài nguyên giáo dục mở thường bao gồm các khóa học đầy đủ, nội dung LMS và các giấy phép bản quyền.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02061.20171009 | Việc kết nối Internet thường trực trên nhiều thiết bị là khái niệm của: | TB | 1. Internet mọi nơi. 2. Internet hành tinh. 3. Internet vạn vật. 4. Internet miễn phí. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Internet vạn vật.  **Vì:** Internet vạn vật hay còn gọi là IoT giúp mọi người có thể kết nối Internet trên nhiều thiết bị khác nhau không nhất thiết là điện thoại, máy tính bảng, máy tính cá nhân,...  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.6. Điều kiện để học E-Learning. |
|  | ICT101-02062.20171009 | Thái độ cần nhất của người học khi theo học lớp học E-Learning là gì? | TB | 1. Chủ động hợp tác với mọi người trong lớp học. 2. Chủ động, tự giác, sổi nổi trong mọi tình huống. 3. Chủ động, tự giác, tích cực. 4. Tích cực tham khảo các nguồn học liệu mở. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Chủ động, tự giác, tích cực.  **Vì:** Chủ động trong việc sắp xếp kế hoạch học tập, tự giác trong việc học và tích cực trong tương tác với các thành viên trên lớp.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.6. Điều kiện để học E-Learning. |
|  | ICT101-02081.20171009 | Theo cấu trúc một LMS có thể có mấy thành phần chính? | Khó | 1. 2. 2. 3. 3. 4. 4. 5. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** 2.  **Vì:** LMS gồm 2 thành phần chính: thành phần công nghệ và quản lý được sử dụng bởi quản lý hệ thống, thành phần giao diện và nội dung được sử dụng bởi người dùng.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02082.20171009 | Một LMS **KHÔNG** có chức năng gì trong số những chức năng liệt kê sau đây? | Khó | 1. Theo dõi, kiểm soát. 2. Tương tác, hỗ trợ. 3. Lưu trữ. 4. Tự động tạo khóa học. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Tự động tạo khóa học.  **Vì:** Muốn tạo khóa học, người quản lý phải tạo khóa học, LMS không thể tự động tạo khóa học.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02083.20171009 | Quy trình học tập của E-Learning lỏng lẻo, nội dung **KHÔNG** được biết trước? | Khó | 1. Đúng, chỉ người học tập chăm chỉ mới có thể tham gia học tập E-Learning. 2. Sai, E-Learning khá hoàn hảo trong xây dựng quy trình học tập trực tuyến mô phỏng các môn học và tài nguyên cung cấp. 3. Sai, E-Learning cung cấp một quy trình học tập chặt chẽ, gồm các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, kế hoạch và nội dung học tập được đưa ra chi tiết theo từng tuần. 4. Đúng, sinh viên phải tự tìm hiểu tài liệu học tập. | C | **Đúng. Đáp án đúng:** Sai, E-Learning cung cấp một quy trình học tập chặt chẽ, gồm các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, kế hoạch và nội dung học tập được đưa ra chi tiết theo từng tuần.  **Vì:** E-Learning cung cấp một quy trình học tập chặt chẽ, gồm các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, kế hoạch và nội dung học tập được đưa ra chi tiết theo từng tuần. Trong quá trình học tập có người quản lý theo dõi quá trình học tập của sinh viên và luôn giải đáp thắc mắc, hỗ trơ sinh viên nhanh nhất.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.2. Các đặc điểm của E-Learning. |
|  | ICT101-02084.20171009 | “Không giới hạn” trong khi nói về E-Learning có nghĩa là: | Khó | 1. không giới hạn về nội dung học tập. 2. không giới hạn về hình thức học tập. 3. không giới hạn về không gian, thời gian, địa điểm, tuổi tác, số lượng sinh viên/lớp. 4. không giới hạn về số lượng người tham gia học tập trực tuyến. | C | **Đúng. Đáp án đúng**: không giới hạn về không gian, thời gian, địa điểm, tuổi tác, số lượng sinh viên/lớp.  **Vì:** E-Learning cho phép truy cập tại nhiều địa điểm khác nhau, tại thời gian bất kỳ, lớp học có thể có nhiều người trên thế giới tham gia, kể cả những người tàn tật.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.2. Các đặc điểm của E-Learning. |
|  | ICT101-02085.20171009 | Khi nói về học tập với E-Learning, người ta thường sử dụng câu nói nào? | Khó | 1. It is never too late to go back to school. 2. It is really to say E-Learning is better than traditional learning. 3. You can go to school everywhere. 4. It is very easy to hold a certificate. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** It is never to late to go back to school.  **Vì:** Đối với E-Learning: Không bao giờ là chậm trễ khi học tập.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02086.20171009 | Khi thiết kế bài học E-Learning, người ta cần quan tâm điều gì? | Khó | 1. Nội dung học tập giảm bớt khối lượng so với học trực tiếp trên lớp. 2. Thiết kế bố cục bài học phù hợp với sở thích của từng sinh viên. 3. Thiết kế bài giảng đa phương tiện, dẫn nhập phù hợp sao cho sinh viên cảm thấy dễ hiểu và dễ tiếp thu. 4. Thiết kế bài giảng slide có nhiều hình ảnh động sao cho sinh viên cảm thấy dễ hiểu và dễ tiếp thu nhất. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Thiết kế bài giảng đa phương tiện, dẫn nhập phù hợp sao cho sinh viên cảm thấy dễ hiểu và dễ tiếp thu.  **Vì:** Thiết kế bài học trong E-Learning là một phần rất quan trọng, các công nghệ đa phương tiện được sử dụng triệt để giúp sinh viên dễ tiếp thu bài học.  **Tham khảo:** Bài giảng số 2, mục 2.4. Cấu trúc của hệ thống E-Learning. |
|  | ICT101-02087.20171009 | Học E-Learning giúp người học có thể tận dụng nguồn tri thức từ: | Khó | 1. wikipedia, Internet. 2. học từ việc tương tác các bạn bè trong lớp. 3. học liệu trên lớp, giáo viên giảng dạy. 4. diễn đàn, chatroom, học liệu trực tiếp. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** wikipedia, Internet.  **Vì:** E-Learning giúp người học tự chủ động tìm kiếm tài liệu trên Internet, các nguồn học liệu mở và Wikipedia.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
|  | ICT101-02088.20171009 | Sự khác biệt trong quan điểm giảng dạy E-Learning so với giáo dục truyền thống là gì trong những điểm dưới đây? | Khó | 1. bạn bè không gặp nhau. 2. thầy không lên lớp thường xuyên. 3. khuyến khích sự tương tác tích cực. 4. khuyến khích gặp gỡ nhau. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** khuyến khích sự tương tác tích cực.  **Vì:** E-Learning khuyến khích người học tương tác với nhau và tương tác với giáo viên trên lớp để trao đổi và thảo luận.  **Tham khảo:** Bài 2, mục 2.5. Hỗ trợ tích cực của E-Learning cho mục tiêu lấy người học làm trung tâm. |
| Bài 3. Quy trình học trực tuyến | | | | | | |
|  | ICT101-03001.20171009 | Quá trình tham gia học tập tại Topica cần có mấy bước? | Dễ | 1. 2 2. 3 3. 4 4. 5 | B | **Đúng. Đáp án đúng là**: 3  **Vì:** Gồm 03 bước: Đăng ký học tập, tìm hiểu thông tin lớp học và học tập.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03002.20171009 | Bước đầu tiên của quá trình học tập tại Topica là gì? | Dễ | 1. Tìm hiểu thông tin 2. Đăng ký học tập. 3. Học tập 4. Kiểm tra | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Đăng ký học tập.  **Vì:** Quá trình tham gia học tập tại Topica gồm 3 bước như sau:  Bước 1: Đăng ký học tập;  Bước 2: Tìm hiểu thông tin lớp học;  Bước 3: Học tập  **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03003.20171009 | Bước thứ hai của quá trình học tập tại Topica là gì? | Dễ | 1. Tìm hiểu thông tin lớp học 2. Đăng ký học tập. 3. Học tập 4. Kiểm tra | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** Tìm hiểu thông tin lớp học.  **Vì:** Quá trình tham gia học tập tại Topica gồm 3 bước như sau:  Bước 1: Đăng ký học tập;  Bước 2: Tìm hiểu thông tin lớp học;  Bước 3: Học tập.  **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03004.20171009 | Thi cử nằm trong bước thứ mấy của quá trình học tập tại Topica? | Dễ | 1. 3 2. 2 3. 1 4. 4 | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** 4  **Vì:** Các công việc trong bước 3: Học tập bao gồm:   * Tiếp thu bài giảng; * Thảo luận; * Thực hành; * Thi cử.   **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03005.20171009 | Tiếp thu bài giảng thuộc bước nào của quá trình học tập tại Topica? | Dễ | 1. Tìm hiểu thông tin lớp học 2. Đăng ký học tập. 3. Đăng nhập học tập. 4. Học tập. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Học tập.  **Vì:** Các công việc trong bước 3: Học tập bao gồm:   * Tiếp thu bài giảng; * Tương tác (Phụ đạo – Trao đổi với bạn); * Luyện tập; * Kiểm tra và thi kết thúc môn học.   **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03006.20171009 | “Tương tác, phụ đạo trao đổi với bạn” thuộc bước nào của quá trình học tập tại Topica? | Dễ | 1. Thảo luận. 2. Học tập. 3. Đăng ký học tập. 4. Kiểm tra. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Học tập  **Vì:** Các công việc trong bước 3: Học tập bao gồm:   * Tiếp thu bài giảng; * Tương tác (Phụ đạo – Trao đổi với bạn); * Luyện tập; * Kiểm tra và thi kết thúc môn học.   **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03007.20171009 | “Kiểm tra và thi kết thúc môn học” thuộc bước nào của quá trình học tập tại Topica? | Dễ | 1. Thảo luận 2. Đăng ký học tập. 3. Kiểm tra 4. Học tập | D | **Đúng. Đáp án đúng là**: Học tập  **Vì:** Các công việc trong bước 3: Học tập bao gồm:   * Tiếp thu bài giảng; * Tương tác (Phụ đạo – Trao đổi với bạn); * Luyện tập; * Kiểm tra và thi kết thúc môn học.   **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03008.20171009 | Để biết được kế hoạch học tập, các sinh viên Topica cần phải: | Dễ | 1. tìm hiểu thông tin lớp học 2. đăng ký học tập. 3. học tập 4. theo dõi thông báo trên trang chủ của Topica | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** tìm hiểu thông tin lớp học.  **Vì:** Khi sinh viên tìm hiểu thông tin lớp học, sinh viên sẽ biết rõ được kế hoạch học tập.  **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03009.20171009 | Để biết được danh sách trợ giảng, giảng viên, quản lý học tập, các sinh viên Topica cần phải: | Dễ | 1. tìm hiểu thông tin lớp học 2. đăng ký học tập. 3. học tập 4. theo dõi thông báo trên trang chủ của Topica. | A | **Đúng. Đáp án đúng là**: tìm hiểu thông tin lớp học.  **Vì:** Khi sinh viên tìm hiểu thông tin lớp học, sinh viên sẽ biết rõ được kế hoạch học tập.  **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03010.20171009 | Nội dung học tập trên mỗi lớp học của Topica thường được phân bổ theo: | Dễ | 1. ngày. 2. năm. 3. tuần. 4. tháng. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: tuần  **Vì:** Nội dung học tập của lớp học Topica được chia theo tuần, thường là 08 tuần/môn học.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03011.20171009 | Bài tập kỹ năng thường áp dụng cho: | Dễ | 1. nhóm sinh viên. 2. từng sinh viên. 3. từng tổ. 4. từ 5 -10 sinh viên. | B | **Đúng. Đáp án đúng là**: từng sinh viên.  **Vì:** Bài tập kỹ năng đánh giá kỹ năng của từng sinh viên.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03012.20171009 | Trong bài tập kỹ năng, sinh viên nộp bài bằng cách: | Dễ | 1. gửi email cho giảng viên. 2. gửi cho quản lý học tập. 3. gửi trực tiếp trên hệ thống học tập. 4. gửi cho nhóm trưởng, nhóm trưởng tập hợp và gửi trực tiếp lên hệ thống | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: gửi trực tiếp trên hệ thống học tập.  **Vì:** Khi nộp bài tập kỹ năng, mỗi sinh viên sẽ nộp bài trực tiếp lên hệ thống để giảng viên chấm từng sinh viên.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03013.20171009 | Bài tập nhóm được triển khai: | Dễ | 1. tới các nhóm học tập 2. tới từng lớp sinh viên. 3. tới từng nhóm sinh viên 4. từ 3 - 5 sinh viên | A | **Đúng. Đáp án đúng là**: tới các nhóm học tập.  **Vì:** Các nhóm học tập sẽ tự lựa chọn đề bài tập nhóm và phân chia nội dung cho các sinh viên trong nhóm.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03014.20171009 | Mục tiêu của môn học không chỉ nhằm: | Dễ | 1. cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản và kiến thức cần đạt được sau mỗi môn học. 2. chỉ ra sự thay đổi về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà bạn cần đạt được sau khi hoàn thành từng bài hoặc cả môn học 3. cung cấp các mô tả về môn học. 4. cung cấp cho sinh viên những kỹ năng, kiến thức cần thiết. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: cung cấp các mô tả về môn học.  **Vì:** Mục tiêu môn học nhằm mục đích cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên đạt được một kết quả nào đó.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03015.20171009 | Kế hoạch học tập trên lớp học Topica **KHÔNG** bao gồm thông tin gì dưới đây? | Dễ | 1. Thời điểm nộp bài tập về nhà. 2. Thời điểm nộp bài kỹ năng. 3. Thời điểm nộp bài tập nhóm. 4. Thời điểm trao đổi với giáo viên. | D | **Đúng. Đáp án đúng là**: Thời điểm trao đổi với giáo viên.  **Vì:** Kế hoạch học tập trên lớp học Topica không bao gồm thông tin về thời điểm trao đổi với giáo viên.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03016.20171009 | Thời gian nộp các bài tập nhóm có trong: | Dễ | 1. thông báo tới sinh viên. 2. kế hoạch học tập của từng sinh viên. 3. kế hoạch học tập của các lớp học trên hệ thống Topica. 4. kế hoạch làm việc của Topica. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** kế hoạch học tập của các lớp học trên hệ thống Topica.  **Vì:** Thời gian nộp các bài tập nhóm có trong kế hoạch học tập của các lớp. Bắt đầu từ tuần đầu tiên học tập, sinh viên có thể nhìn thấy kế hoạch học tập trên hệ thống.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03017.20171009 | Giảng viên trên lớp học Topica có thể giải đáp thắc mắc của sinh viên: | Dễ | 1. trên trang chủ của hệ thống 2. trên các công cụ giao tiếp trực tuyến. 3. trên điện thoại di động. 4. trên thông báo của lớp học | B | **Đúng. Đáp án đúng là**: Trên các công cụ giao tiếp trực tuyến.  **Vì:** Giảng viên trên lớp học Topica có thể giải đáp thắc mắc của sinh viên trên các công cụ: zalo, diễn đàn, email, facebook,…  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03018.20171009 | Diễn đàn học tập của lớp học Topica: | Dễ | 1. là nơi sinh viên trong lớp tương tác với nhau. 2. là nơi sinh viên thảo luận và giải đáp các câu hỏi. 3. là nơi sinh viên đặt câu hỏi cho các sinh viên khác trả lời. 4. là nơi sinh viên trao đổi, thảo luận và giảng viên hướng dẫn định hướng học tập. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** Là nơi sinh viên trao đổi, thảo luận và giảng viên hướng dẫn định hướng học tập.  **Vì:** sinh viên trao đổi học tập trên các diễn đàn, các thảo luận mở và các case study được giảng viên hướng dẫn post lên diễn đàn để định hướng học tập cho sinh viên.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03019.20171009 | Một trong những yếu tố để sinh viên học tập tốt môn học tại Topica? | Dễ | 1. Trả lời hết những câu hỏi thảo luận trên diễn đàn. 2. Nắm vững mục tiêu môn học. 3. Tích cực tham gia giải đáp trên diễn đàn. 4. Đọc đi đọc lại nhiều lần một bài học nào đó. | B | **Đúng. Đáp án đúng là:** Nắm vững mục tiêu môn học.  **Vì:** Một trong những yếu tố đầu tiên để sinh viên học tập tốt là phải nắm vững mục tiêu của môn học đang học tại Topica.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03020.20171009 | Text chat là hình thức trao đổi: | Dễ | 1. không đồng bộ. 2. kết hợp đồng bộ và không đồng bộ. 3. trực tuyến. 4. đồng bộ | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** đồng bộ.  **Vì:** Text chat là hình thức trao đổi đồng bộ theo thời gian thực  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03021.20171009 | Khi sử dụng Video Cam, đường truyền cần tốc độ: | Dễ | 1. cao 2. trung bình 3. thấp 4. tốc độ nào cũng được | A | **Đúng. Đáp án đúng là**: cao.  **Vì:** Video Cam cần đường truyền tốc độ cao để truyền tải hình ảnh động.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03022.20171009 | Khi sử dụng Voice Cam, cần tốc độ đường truyền: | Dễ | 1. thấp 2. trung bình 3. cao 4. tốc độ nào cũng được | B | **Đúng. Đáp án đúng là**: trung bình  **Vì:** Voice Cam cần đường truyền tốc độ trung bình để truyền tải âm thanh.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03023.20171009 | Video cam là hình thức trao đổi: | Dễ | 1. theo thời gian thực. 2. truyền hình trực tiếp. 3. theo thời gian ảo. 4. truyền hình gián tiếp. | A | **Đúng. Đáp án đúng là**: theo thời gian thực.  **Vì:** Video cam là hình thức trao đổi theo thời gian thực.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03024.20171009 | Thư điện tử là hình thức trao đổi: | Dễ | 1. không đồng bộ. 2. kết hợp đồng bộ và không đồng bộ. 3. đồng bộ. 4. trực tuyến. | A | **Đúng. Đáp án đúng là:** không đồng bộ.  **Vì:** Đây là hình thức trao đổi không đồng bộ, không theo thời gian thực.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03025.20171009 | Diễn đàn lớp học là hình thức trao đổi: | Dễ | 1. không đồng bộ. 2. kết hợp đồng bộ và không đồng bộ. 3. đồng bộ. 4. trực tuyến. | A | **Đúng. Đáp án đúng là**: không đồng bộ.  **Vì:** Đây là hình thức trao đổi không đồng bộ, không theo thời gian thực.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03026.20171009 | Thi kết thúc môn học tại Topica là thi trực tiếp hay trực tuyến qua mạng? | Dễ | 1. Nộp bài tập từ xa. 2. Thi trực tuyến. 3. Thi trực tiếp. 4. Thi vấn đáp trực tiếp | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: Thi trực tiếp.  **Vì:** Topica tổ chức kỳ thi hết môn thông qua hình thức thi trực tiếp, sinh viên tới địa điểm thi và làm bài thi tại đó.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03027.20171009 | H2472 là hình thức: | Dễ | 1. học tập trên hệ thống 24 giờ. 2. giải đáp trực tiếp offline. 3. giải đáp thắc mắc trong vòng 72 giờ. 4. giải đáp thắc mắc trong vòng 24 giờ. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** giải đáp thắc mắc trong vòng 72 giờ.  **Vì:** Topica có hệ thống giải đáp thắc mắc của sinh viên H2472 trả lời thắc mắc trong vòng 72 giờ.  **Tham khảo**:Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03028.20171009 | Bài tập nhóm là một hình thức giúp cho: | Dễ | 1. nộp bài tập trên hệ thống trực tuyến. 2. các thành viên nhóm có cơ hội gặp gỡ nhau offline. 3. tương tác tốt nhất giữa các thành viên trong nhóm khi làm chung bài tập. 4. nộp bài tập qua email của giảng viên. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: tương tác tốt nhất giữa các thành viên trong nhóm khi làm chung bài tập.  **Vì:** Trong quá trình triển khai bài tập nhóm, các thành viên trong nhóm sẽ tương tác, trao đổi, thảo luận với nhau.  **Tham khảo**:Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03029.20171009 | Bài tập nhóm sẽ được giao cho: | Dễ | 1. một sinh viên nộp bài. 2. một sinh viên thực hiện. 3. một nhóm thực hiện. 4. một nhóm sinh viên cùng nộp bài. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** một nhóm thực hiện  **Vì:** Một nhóm sinh viên sẽ cùng thực hiện bài tập nhóm, sau khi hoàn thành, nhóm trưởng sẽ nộp bài tập nhóm lên hệ thống.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03030.20171009 | Bài tập về nhà: | Dễ | 1. do nhóm thực hiện. 2. không giới hạn số lần làm bài. 3. giới hạn số lần làm bài. 4. không giới hạn số lần làm bài và lấy điểm lần cao nhất. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: giới hạn số lần làm bài.  **Vì:** Bài tập về nhà giới hạn số lần làm bài và lấy điểm trung bình của các lần đã làm.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03031.20171009 | Bài luyện tập trắc nghiệm hàng tuần: | Dễ | 1. do nhóm thực hiện. 2. không giới hạn số lần làm bài. 3. giới hạn số lần làm bài. 4. không giới hạn số lần làm bài và lấy điểm lần cao nhất. | D | **Đúng. Đáp án đúng là:** không giới hạn số lần làm bài và lấy điểm lần cao nhất.  **Vì:** Lớp học Topica cho phép sinh viên làm đi làm lại nhiều lần bài trắc nghiệm hàng tuần và lấy điểm cao nhất.  **Tham khảo**:Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03032.20171009 | Bài luyện tập trắc nghiệm hàng tuần: | Dễ | 1. do nhóm thực hiện. 2. do mỗi sinh viên phải tự làm 3. cho phép làm tối đa 3 lần. 4. cho phép làm tối đa 5 lần. | B | **Đúng. Đáp án đúng là**: do mỗi sinh viên tự làm.  **Vì:** Lớp học Topica cho phép mỗi sinh viên làm đi làm lại nhiều lần bài trắc nghiệm hàng tuần và lấy điểm cao nhất.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03034.20171009 | Trao đổi đồng bộ là hình thức trao đổi: | Dễ | 1. theo thời gian ảo. 2. offline. 3. theo thời gian thực. 4. gián tiếp. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: theo thời gian thực.  **Vì:** Trao đổi đồng bộ chính là hình thức trao đổi theo thời gian thực.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03035.20171009 | Luyện tập trước thi: | Dễ | 1. giới hạn số lần làm bài. 2. lấy điểm cao nhất của các lần làm bài. 3. không giới hạn số lần làm bài và không lấy điểm. 4. sẽ lấy điểm trung bình của mỗi lần làm bài. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** không giới hạn số lần làm bài và không lấy điểm.  **Vì:** Luyện tập trước thi không giới hạn số lần làm bài và không lấy điểm.  **Tham khảo**:Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03036.20171009 | Diễn đàn C5 của Topica là diễn đàn giúp sinh viên: | Dễ | 1. giúp sinh viên gặp được giáo viên. 2. tăng cường tương tác với giảng viên 3. tăng cường tương tác với giảng viên thông qua 5 trạng thái chủ đề. 4. tăng cường nói chuyện với giáo viên thông qua thiết lập các trạng thái chủ đề. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: tăng cường tương tác với giảng viên thông qua 5 trạng thái chủ đề.  **Vì:** Diễn đàn C5 của Topica là diễn đàn giúp tăng cường sự tương tác của sinh viên thông qua việc trả lời các chủ đề của giảng viên đưa ra với 05 trạng thái thảo luận.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03037.20171009 | Diễn đàn C5 của Topica có mấy trạng thái? | Dễ | 1. 2. 2. 3. 3. 5 4. 4. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: 5  **Vì:** Diễn đàn C5 của Topica có 5 trạng thái thảo luận: đặt vấn đề, chia sẻ thông tin, phân tích suy luận so sánh, kết luận giải pháp, áp dụng kiểm tra.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03038.20171009 | Chia sẻ thông tin là trạng thái thứ mấy của diễn đàn C5? | Dễ | 1. 1 2. 3 3. 2 4. 5. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: **2**  **Vì:** Các bước của diễn đàn C5 tuân thủ như sau:  Bước 1: Đặt vấn đề;  Bước 2: Chia sẻ thông tin;  Bước 3: Phân tích suy luận so sánh;  Bước 4: Kết luận giải pháp;  Bước 5: Áp dụng kiểm tra.  **Tham khảo**:Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03039.20171009 | Phân tích suy luận so sánh là trạng thái thứ mấy của diễn đàn C5? | Dễ | 1. 1 2. 2 3. 3 4. 4. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: 3  **Vì:** Các bước của diễn đàn C5 tuân thủ như sau:  Bước 1: Đặt vấn đề;  Bước 2: Chia sẻ thông tin;  Bước 3: Phân tích suy luận so sánh;  Bước 4: Kết luận giải pháp;  Bước 5: Áp dụng kiểm tra.  **Tham khảo**:Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03041.20171009 | Để sử dụng diễn đàn C5, chủ thể nào phải đặt chủ đề và bật thanh trạng thái thảo luận? | Dễ | 1. Sinh viên. 2. Quản lý học tập. 3. Giảng viên. 4. Quản trị hệ thống. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: Giảng viên  **Vì:** Giảng viên phải tạo chủ đề và đặt thanh trạng thái thảo luận C5.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03042.20171009 | Tại lớp học Topica, điểm chuyên cần được tính thế nào? | Dễ | 1. Do giáo viên tự đánh giá 2. Mỗi lần đăng nhập sẽ được tính 1 điểm chuyên cần. 3. Sự tích cực của sinh viên thảo luận trên diễn đàn và làm bài trắc nghiệm hàng tuần. 4. Sự tích cực của sinh viên khi đăng nhập lớp học trên hệ thống. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Sự tích cực của sinh viên thảo luận trên diễn đàn và làm bài trắc nghiệm hàng tuần.  **Vì:** Điểm chuyên cần của sinh viên thông qua bài thảo luận diễn đàn, H2472 và bài trắc nghiệm hàng tuần.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03043.20171009 | Bài trắc nghiệm hàng tuần là một thành phần để tính điểm: | Dễ | 1. điểm hệ số 3. 2. thường xuyên. 3. chuyên cần. 4. điểm hệ số 4. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: chuyên cần.  **Vì:** Điểm chuyên cần của sinh viên thông qua bài thảo luận diễn đàn, H2472 và bài trắc nghiệm hàng tuần.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03044.20171009 | Bài tập về nhà là một thành phần để tính điểm: | Dễ | 1. điểm hệ số 3 2. chuyên cần. 3. giữa kỳ. 4. điểm hệ số 1. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: giữa kỳ.  **Vì:** Điểm giữa kỳ của sinh viên trên lớp học topica được tính bằng bài tập kỹ năng, bài tập nhóm hoặc bài tập về nhà.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03045.20171009 | Điều kiện để hoàn thành môn học trên lớp học của Topica? | Dễ | 1. Điểm thành phần >=5. 2. Điểm giữa kỳ >=5. 3. Điểm tổng kết >=5. 4. Điểm thi >=5. | C | **Đúng. Đáp án đúng là:** Điểm tổng kết>=5.  **Vì:** Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, điểm tổng kết của môn học >=5 mới được coi là hoàn thành môn học.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03046.20171009 | Trên lớp học E-Learning của Topica, điểm thi chiếm bao nhiêu phần trăm (%) điểm học phần? | Dễ | 1. 40% 2. 50%. 3. 60% 4. 70%. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: 60%.  **Vì:** Theo quy định, điểm thi chiếm 60% điểm học phần.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.4. Các công việc của sinh viên trong lớp học E-Learning. |
|  | ICT101-03047.20171009 | Muốn được trợ giúp nhanh nhất trong vòng 72 giờ, trong quá trình học tập, sinh viên của Topica có thể: | TB | 1. tìm gặp thầy cô giáo. 2. hỏi trực tiếp trên Internet. 3. hỏi đáp thắc mắc H2472. 4. tự tìm hiểu thông tin trên trang chủ của hệ thống. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: hỏi đáp thắc mắc H2472.  **Vì:** H2472 có thể trợ giúp nhanh nhất trong vòng 72 giờ.  **Tham khảo**: Bài 3, mục 3.1. Các bước trong quy trình học E-Learning. |
|  | ICT101-03048.20171009 | Mục tiêu môn học nhằm mục đích: | TB | 1. nhằm cung cấp kiến thức mô tả về môn học cho sinh viên. 2. là kết quả của môn học với điểm số bao nhiêu. 3. là kết quả người học phải đạt được sau khi kết thúc môn học. 4. là quá trình học tập người học phải đạt được sau khi kết thúc môn học. | C | **Đúng. Đáp án đúng là**: là kết quả người học phải đạt được sau khi kết thúc môn học.  **Vì:** Mục tiêu môn học nhằm mục đích cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên đạt được một kết quả nào đó.  **Tham khảo:** Bài 3, mục 3.3. Tìm hiểu thông tin của lớp học E-Learning. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giảng viên viết** | **Giảng viên duyệt** | **Ban sư phạm** | **Đại diện ngành** |